

ĐỀ 1 (khối sáng)**Câu 1:** (3 điểm)

a) Tìm tập xác định của hàm số $y = \frac{1}{\cos 2x - 1}$.

b) Tìm giá trị lớn nhất và giá trị nhỏ nhất của hàm số $y = 2 \cos^2 x - 3$.

Câu 2: (6 điểm) Giải các phương trình sau:

a) $\sin x - \sin \frac{2\pi}{5} = 0$

b) $5 \sin^2 x - 4 \sin x \cos x + 3 \cos^2 x = 2$

c) $\cos x (2 \sin x + 2\sqrt{3} \cos x) = \sqrt{3} - 2 \sin 5x$

d) $\cos \frac{4x}{3} = \sin^2 x$

Câu 3: (1 điểm) Tìm các giá trị thực của tham số m để phương trình $\cos 3x - \cos 2x + m \cos x = 1$ có đúng bảy nghiệm khác nhau thuộc khoảng $\left(-\frac{\pi}{2}; 2\pi\right)$.

..... HẾT

ĐỀ 2 (khối sáng)**Câu 1:** (3 điểm)

a) Tìm tập xác định của hàm số $y = \frac{1}{\sin 2x - 1}$.

b) Tìm giá trị lớn nhất và giá trị nhỏ nhất của hàm số $y = 3 \sin^2 x - 2$.

Câu 2: (6 điểm) Giải các phương trình sau:

a) $\cos x - \cos \frac{2\pi}{5} = 0$

b) $6 \sin^2 x + 3 \sin x \cos x + \cos^2 x = 2$

c) $\sin x (2 \cos x + 2\sqrt{3} \sin x) = \sqrt{3} - 2 \sin 3x$

d) $\cos \frac{2x}{3} = \cos^2 \frac{x}{2}$

Câu 3: (1 điểm) Tìm các giá trị thực của tham số m để phương trình $\sin 3x + \cos 2x - m \sin x = 1$ có đúng bảy nghiệm khác nhau thuộc khoảng $\left(-\frac{\pi}{2}; 2\pi\right)$.

..... HẾT

Câu 1: (3 điểm)**ĐỀ 1 (khối chiều)**

- a) Tìm tập xác định của hàm số $y = \tan\left(x - \frac{\pi}{4}\right)$.
- b) Tìm giá trị lớn nhất và giá trị nhỏ nhất của hàm số $y = 1 - 3\sin 2x$.

Câu 2: (6 điểm) Giải các phương trình sau

- a) $\cot x - \cot \frac{2\pi}{7} = 0$.
- b) $2\sin^2 x - 3\sin x \cos x - \cos^2 x = 2$.
- c) $\sin x + \sqrt{3}\cos x = 4\sin 2x \cos x$.
- d) $\cos 3x - \cos 2x + 9\sin x - 4 = 0$

Câu 3: (1 điểm) Cho phương trình $(1 - \sin x)(\cos 2x + 3m \sin x + \sin x - 1) = m \cos^2 x$ (m là tham số)

Tìm các giá trị thực của m để phương trình có 6 nghiệm khác nhau thuộc khoảng $\left(-\frac{\pi}{2}; 2\pi\right)$.

..... HẾT

Câu 1: (3 điểm)**ĐỀ 2 (khối chiều)**

- a) Tìm tập xác định của hàm số $y = \cot\left(x - \frac{\pi}{4}\right)$.
- b) Tìm giá trị lớn nhất và giá trị nhỏ nhất của hàm số $y = 2 - 3\cos 2x$.

Câu 2: (6 điểm) Giải các phương trình sau

- a) $\tan x - \tan \frac{3\pi}{7} = 0$.
- b) $3\sin^2 x - 2\sin x \cos x - \cos^2 x = 3$.
- c) $3\cos x + \sqrt{3}\sin x = 4\cos 2x \cos x$.
- d) $\sin 3x + \cos 2x + 9\cos x - 4 = 0$.

Câu 3: (1 điểm) Cho phương trình $(1 + \cos x)(\cos 2x - 3m \cos x + \cos x + 1) = m \sin^2 x$ (m là tham số)

Tìm các giá trị thực của m để phương trình có 6 nghiệm khác nhau thuộc khoảng $\left(-\frac{\pi}{2}; 2\pi\right)$.

..... HẾT

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ 1 (Khối sáng)

CÂU	Đáp án	ĐIỂM
Câu 1 3đ	a) ĐK: $\cos 2x \neq 1 \Leftrightarrow 2x \neq k2\pi \Leftrightarrow x \neq k\pi$ TXĐ: $D = \mathbb{R} \setminus \{k\pi, k \in \mathbb{Z}\}$	1.0 + 0.5
	b) TXĐ: $D = \mathbb{R}$ Ta có: $0 \leq \cos^2 x \leq 1, \forall x \in \mathbb{R} \Rightarrow -3 \leq y \leq -1, \forall x \in \mathbb{R}$ Vậy: GTLN $y = -1$, GTNN $y = -3$	0.25 0.5+0.5 0.25
Câu 2 6đ	a) $\sin x - \sin \frac{2\pi}{5} = 0 \Leftrightarrow \sin x = \sin \frac{2\pi}{5} \Leftrightarrow \begin{cases} x = \frac{2\pi}{5} + k2\pi \\ x = \frac{3\pi}{5} + k2\pi \end{cases}$	1.0 + 1.0
	b) $5\sin^2 x - 4\sin x \cos x + 3\cos^2 x = 2$ (1) * $\cos x = 0 \Leftrightarrow x = \frac{\pi}{2} + k\pi$ không là nghiệm của (1) * $\cos x \neq 0 \Leftrightarrow x \neq \frac{\pi}{2} + k\pi$	0.5
	(1) $\Leftrightarrow 5\tan^2 x - 4\tan x + 3 = 2(1 + \tan^2 x) \Leftrightarrow 3\tan^2 x - 4\tan x + 1 = 0$	0.5
	$\Leftrightarrow \begin{cases} \tan x = 1 \\ \tan x = \frac{1}{3} \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} x = \frac{\pi}{4} + k\pi \\ x = \arctan \frac{1}{3} + k\pi \end{cases} \quad (k \in \mathbb{Z})$	0.5
	Vậy: $x = \arctan \frac{1}{3} + k\pi$ và $x = \frac{\pi}{4} + k\pi$	0.5
	c) $\cos x (2\sin x + 2\sqrt{3}\cos x) = \sqrt{3} - 2\sin 5x \Leftrightarrow \sin 2x + 2\sqrt{3}\cos^2 x = \sqrt{3} - 2\sin 5x$ $\Leftrightarrow \sin 2x + \sqrt{3}(2\cos^2 x - 1) = -2\sin 5x \Leftrightarrow \sin 2x + \sqrt{3}\cos 2x = 2\sin(-5x)$ $\Leftrightarrow \sin\left(2x + \frac{\pi}{3}\right) = \sin(-5x) \Leftrightarrow \begin{cases} x = -\frac{\pi}{21} + \frac{k2\pi}{7} \\ x = -\frac{2\pi}{9} - \frac{k2\pi}{3} \end{cases} \quad (k \in \mathbb{Z})$	0.25 0.25 0.25+0,25
	d) $\cos \frac{4x}{3} = \sin^2 x \Leftrightarrow \cos \frac{4x}{3} = \frac{1 - \cos 2x}{2} \Leftrightarrow 2\cos 2 \cdot \frac{2x}{3} = 1 - \cos 3 \cdot \frac{2x}{3}$ $\Leftrightarrow 2\left[2\cos^2 \frac{2x}{3} - 1\right] = 1 - 4\cos^3 \frac{2x}{3} + 3\cos \frac{2x}{3} \Leftrightarrow 4\cos^3 \frac{2x}{3} + 4\cos^2 \frac{2x}{3} - 3\cos \frac{2x}{3} - 3 = 0$ $\Leftrightarrow \begin{cases} \cos \frac{2x}{3} = -1 \\ \cos \frac{2x}{3} = \pm \frac{\sqrt{3}}{2} \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} \frac{2x}{3} = \pi + k2\pi \\ \frac{2x}{3} = \pm \frac{\pi}{6} + k2\pi \\ \frac{2x}{3} = \pm \frac{5\pi}{6} + k2\pi \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} x = \frac{3\pi}{2} + k3\pi \\ x = \pm \frac{\pi}{4} + k3\pi \\ x = \pm \frac{5\pi}{4} + k3\pi \end{cases}$	0.25 0.25 0.25+0.25

Câu3 1đ	$\cos 3x - \cos 2x + m \cos x = 1$ $\Leftrightarrow 4 \cos^3 x - 3 \cos x - (2 \cos^2 x - 1) + m \cos x = 1$ $\Leftrightarrow 4 \cos^3 x - 2 \cos^2 x + (m - 3) \cos x = 0$ Đặt $\cos x = t$ với $t \in [-1; 1]$. Ta có $\Leftrightarrow \begin{cases} t = 0 \\ 4t^2 - 2t + (m - 3) = 0(*) \end{cases}$ Với $t = 0$ thì $\cos x = 0 \Leftrightarrow x = \frac{\pi}{2} + k\pi$, có 2 nghiệm là $\frac{\pi}{2}; \frac{3\pi}{2}$ thuộc $\left(-\frac{\pi}{2}; 2\pi\right)$. Với $t = \pm 1$ thì phương trình $\cos x = t$ có 1 nghiệm thuộc $\left(-\frac{\pi}{2}; 2\pi\right)$. Với mỗi giá trị $t \in (0; 1)$ thì phương trình $\cos x = t$ có 3 nghiệm thuộc $\left(-\frac{\pi}{2}; 2\pi\right)$. Với mỗi giá trị $t \in (-1; 0)$ thì phương trình $\cos x = t$ có 2 nghiệm thuộc $\left(-\frac{\pi}{2}; 2\pi\right)$. Để pt có đúng 7 nghiệm thỏa mãn thì phương trình (*) phải có 2 nghiệm $t_1; t_2$ thỏa mãn điều kiện: $-1 < t_1 < 0 < t_2 < 1$. $(*) \Leftrightarrow m = -4t^2 + 2t + 3 = f(t)$ <table><tr><td>t</td><td>-1</td><td>0</td><td>$\frac{1}{4}$</td><td>1</td></tr><tr><td>f(t)</td><td>-3</td><td>3</td><td>$\frac{13}{4}$</td><td>1</td></tr></table> Từ bảng biến thiên trên ta có $m \in (1; 3)$.	t	-1	0	$\frac{1}{4}$	1	f(t)	-3	3	$\frac{13}{4}$	1	0.25 0.25 0.5
t	-1	0	$\frac{1}{4}$	1								
f(t)	-3	3	$\frac{13}{4}$	1								

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ 2 (Khối sáng)

CÂU	Đáp án	ĐIỂM
Câu 1 3đ	a) ĐK: $\sin 2x \neq 1 \Leftrightarrow 2x \neq \frac{\pi}{2} + k2\pi \Leftrightarrow x \neq \frac{\pi}{4} + k\pi$ TXĐ: $D = \mathbb{R} \setminus \left\{ \frac{\pi}{4} + k\pi, k \in \mathbb{Z} \right\}$	1.0 + 0.5
	b) TXĐ: $D = \mathbb{R}$ Ta có: $0 \leq \sin^2 x \leq 1, \forall x \in \mathbb{R} \Rightarrow -2 \leq y \leq 1, \forall x \in \mathbb{R}$ Vậy: GTLN $y = 1$, GTNN $y = -2$.	0.25 0.5+0.5 0.25
Câu 2 6đ	a) $\cos x - \cos \frac{2\pi}{5} = 0 \Leftrightarrow \cos x = \cos \frac{2\pi}{5} \Leftrightarrow \begin{cases} x = \frac{2\pi}{5} + k2\pi \\ x = -\frac{2\pi}{5} + k2\pi \end{cases}$	1.0 + 1.0
	b) $6\sin^2 x + 3\sin x \cos x + \cos^2 x = 2$ (1)	
	* $\cos x = 0 \Leftrightarrow x = \frac{\pi}{2} + k\pi$ không là nghiệm của (1)	0.5
	* $\cos x \neq 0 \Leftrightarrow x \neq \frac{\pi}{2} + k\pi$	
	(1) $\Leftrightarrow 6\tan^2 x + 3\tan x + 1 = 2(1 + \tan^2 x) \Leftrightarrow 4\tan^2 x + 3\tan x - 1 = 0$	0.5
	$\Leftrightarrow \begin{cases} \tan x = -1 \\ \tan x = \frac{1}{4} \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} x = -\frac{\pi}{4} + k\pi \\ x = \arctan \frac{1}{4} + k\pi \end{cases} \quad (k \in \mathbb{Z})$	0.5
	Vậy: $x = \arctan \frac{1}{4} + k\pi$ và $x = -\frac{\pi}{4} + k\pi$	0.5
	c) $\sin x(2\cos x + 2\sqrt{3}\sin x) = \sqrt{3} - 2\sin 3x \Leftrightarrow \sin 2x + 2\sqrt{3}\sin^2 x = \sqrt{3} - 2\sin 3x$	0.25
	$\Leftrightarrow \sin 2x - \sqrt{3}(1 - 2\sin^2 x) = -2\sin 3x \Leftrightarrow \sin 2x - \sqrt{3}\cos 2x = 2\sin(-3x)$	0.25
	$\Leftrightarrow \sin\left(2x - \frac{\pi}{3}\right) = \sin(-3x) \Leftrightarrow \begin{cases} x = \frac{\pi}{15} + \frac{k2\pi}{5} \\ x = -\frac{4\pi}{3} - k2\pi \end{cases} \quad (k \in \mathbb{Z})$	0.25+0,25
	d) $\cos \frac{2x}{3} = \cos^2 \frac{x}{2} \Leftrightarrow \cos \frac{2x}{3} = \frac{1 + \cos x}{2} \Leftrightarrow 2\cos\left(2 \cdot \frac{x}{3}\right) = 1 + \cos\left(3 \cdot \frac{x}{3}\right)$	0.25
	$\Leftrightarrow 2\left[2\cos^2 \frac{x}{3} - 1\right] = 1 + 4\cos^3 \frac{x}{3} - 3\cos \frac{x}{3} \Leftrightarrow 4\cos^3 \frac{x}{3} - 4\cos^2 \frac{x}{3} - 3\cos \frac{x}{3} + 3 = 0$	0.25
	$\Leftrightarrow \begin{cases} \cos \frac{x}{3} = 1 \\ \cos \frac{x}{3} = \pm \frac{\sqrt{3}}{2} \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} \frac{x}{3} = k2\pi \\ \frac{x}{3} = \pm \frac{\pi}{6} + k2\pi \\ \frac{x}{3} = \pm \frac{5\pi}{6} + k2\pi \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} x = k6\pi \\ x = \pm \frac{\pi}{2} + k6\pi \\ x = \pm \frac{5\pi}{2} + k6\pi \end{cases}$	0.25+0.25

Câu3 1đ	$\sin 3x + \cos 2x - m \sin x = 1$$\Leftrightarrow 3 \sin x - 4 \sin^3 x + 1 - 2 \sin^2 x - m \sin x = 1$$\Leftrightarrow 4 \sin^3 x + 2 \sin^2 x + (m - 3) \sin x = 0$ Đặt $\sin x = t$ với $t \in [-1; 1]$. Ta có $\Leftrightarrow \begin{cases} t = 0 \\ 4t^2 + 2t + (m - 3) = 0(*) \end{cases}$ Với $t = 0$ thì $\sin x = 0 \Leftrightarrow x = k\pi$, có 2 nghiệm là $0; \pi$ thuộc $\left(-\frac{\pi}{2}; 2\pi\right)$. Với $t = \pm 1$ thì phương trình $\sin x = t$ có 1 nghiệm thuộc $\left(-\frac{\pi}{2}; 2\pi\right)$. Với mỗi giá trị $t \in (-1; 0)$ thì phương trình $\sin x = t$ có 3 nghiệm thuộc $\left(-\frac{\pi}{2}; 2\pi\right)$. Với mỗi giá trị $t \in (0; 1)$ thì phương trình $\sin x = t$ có 2 nghiệm thuộc $\left(-\frac{\pi}{2}; 2\pi\right)$. Để pt có đúng 7 nghiệm thỏa mãn thì phương trình (*) phải có 2 nghiệm $t_1; t_2$ thỏa mãn điều kiện: $-1 < t_1 < 0 < t_2 < 1$. $(*) \Leftrightarrow m = -4t^2 - 2t + 3 = f(t)$<table><tr><td>t</td><td>-1</td><td>$-\frac{1}{4}$</td><td>0</td><td>1</td></tr><tr><td>f(t)</td><td>1</td><td>$\frac{13}{4}$</td><td>3</td><td>-3</td></tr></table> Từ bảng biến thiên trên ta có $m \in (1; 3)$.	t	-1	$-\frac{1}{4}$	0	1	f(t)	1	$\frac{13}{4}$	3	-3	0.25 0.25 0.5
t	-1	$-\frac{1}{4}$	0	1								
f(t)	1	$\frac{13}{4}$	3	-3								

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ 1 (Khối chiều)

CÂU	Đáp án	ĐIỂM
Câu1 3đ	a) ĐK: $x - \frac{\pi}{4} \neq \frac{\pi}{2} + k\pi \Leftrightarrow x \neq \frac{3\pi}{4} + k\pi$ TXĐ: $D = \mathbb{R} \setminus \left\{ \frac{3\pi}{4} + k\pi, k \in \mathbb{Z} \right\}$	1.0 + 0.5
	b) TXĐ: $D = \mathbb{R}$ Ta có: $-1 \leq \sin 2x \leq 1, \forall x \in \mathbb{R} \Rightarrow -2 \leq y \leq 4, \forall x \in \mathbb{R}$ Vậy: GTLN $y = 4$, GTNN $y = -2$	0.25 0.5+0.5 0.25
Câu2 6đ	a) $\cot x - \cot \frac{2\pi}{7} = 0 \Leftrightarrow \cot x = \cot \frac{2\pi}{7} \Leftrightarrow x = \frac{2\pi}{7} + k\pi$	1.0+1.0
	b) $2\sin^2 x - 3\sin x \cos x - \cos^2 x = 2$ (1)	
	* $\cos x = 0 \Leftrightarrow x = \frac{\pi}{2} + k\pi$ là nghiệm của (1)	0.5
	* $\cos x \neq 0 \Leftrightarrow x \neq \frac{\pi}{2} + k\pi$. Ta có: (1) $\Leftrightarrow 2\tan^2 x - 3\tan x - 1 = 2(1 + \tan^2 x)$	0.5
	$\Leftrightarrow \tan x = -1 \Leftrightarrow x = -\frac{\pi}{4} + k\pi$.	0.5
	Vậy: $x = \frac{\pi}{2} + k\pi$ và $x = -\frac{\pi}{4} + k\pi$	0.5
	c) $\sin x + \sqrt{3} \cos x = 4 \sin 2x \cos x$ $\Leftrightarrow \sin x + \sqrt{3} \cos x = 2(\sin 3x + \sin x) \Leftrightarrow \sqrt{3} \cos x - \sin x = 2 \sin 3x$	0.25+0,25
	$\Leftrightarrow \sin\left(\frac{\pi}{3} - x\right) = \sin 3x \Leftrightarrow \begin{cases} x = \frac{\pi}{12} - \frac{k\pi}{2} \\ x = \frac{\pi}{3} + k\pi \end{cases} (k \in \mathbb{Z})$	0.25+0,25
	d) Ta có $\cos 3x - \cos 2x + 9 \sin x - 4 = 0$ $\Leftrightarrow 4\cos^3 x - 3\cos x + 2\sin^2 x + 9\sin x - 5 = 0$ $\Leftrightarrow \cos x(1 - 4\sin^2 x) + (2\sin x - 1)(\sin x + 5) = 0$ $\Leftrightarrow (2\sin x - 1)(-\cos x - 2\sin x \cos x + \sin x + 5) = 0$ $\Leftrightarrow \begin{cases} 2\sin x - 1 = 0 & (1) \\ \sin x - \cos x - 2\sin x \cos x + 5 = 0 & (2) \end{cases}$	0.5
	Giải (1), ta có (1) $\Leftrightarrow \sin x = \frac{1}{2} \Leftrightarrow \begin{cases} x = \frac{\pi}{6} + k2\pi \\ x = \frac{5\pi}{6} + k2\pi \end{cases}$.	0.25
	Giải (2), đặt $t = \sin x - \cos x = \sqrt{2} \sin\left(x - \frac{\pi}{4}\right)$ với $ t \leq \sqrt{2}$. Khi đó $t^2 = 1 - 2\sin x \cos x \Rightarrow 2\sin x \cos x = 1 - t^2$; Phương trình (2) trở thành $t - 1 + t^2 + 5 = 0 \Leftrightarrow t^2 + t + 4 = 0$ phương trình vô nghiệm.	0,25

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ 2 (Khối chiều)

CÂU	Đáp án	ĐIỂM
Câu1 3đ	a) ĐK: $x - \frac{\pi}{4} \neq k\pi \Leftrightarrow x \neq \frac{\pi}{4} + k\pi$ TXĐ: $D = \mathbb{R} \setminus \left\{ \frac{\pi}{4} + k\pi, k \in \mathbb{Z} \right\}$	1.0 + 0.5
	b) TXĐ: $D = \mathbb{R}$ Ta có: $-1 \leq \cos 2x \leq 1, \forall x \in \mathbb{R} \Rightarrow -1 \leq y \leq 5, \forall x \in \mathbb{R}$ Vậy: GTLN $y = 5$, GTNN $y = -1$	0.25 0.5+0.5 0.25
Câu2 6đ	a) $\tan x - \tan \frac{3\pi}{7} = 0 \Leftrightarrow \tan x = \tan \frac{3\pi}{7} \Leftrightarrow x = \frac{3\pi}{7} + k\pi$	1.0+1.0
	b) $3 \sin^2 x - 2 \sin x \cos x - \cos^2 x = 3$ (1)	
	* $\cos x = 0 \Leftrightarrow x = \frac{\pi}{2} + k\pi$ là nghiệm của (1)	0.5
	* $\cos x \neq 0 \Leftrightarrow x \neq \frac{\pi}{2} + k\pi$ Ta có: (1) $\Leftrightarrow 3 \tan^2 x - 2 \tan x - 1 = 3(1 + \tan^2 x)$	0.5
	$\Leftrightarrow \tan x = -2 \Leftrightarrow x = \arctan(-2) + k\pi$.	0.5
	Vậy: $x = \frac{\pi}{2} + k\pi$ và $x = \arctan(-2) + k\pi$	0.5
	c) $3 \cos x + \sqrt{3} \sin x = 4 \cos 2x \cos x$ $\Leftrightarrow 3 \cos x + \sqrt{3} \sin x = 2(\cos 3x + \cos x) \Leftrightarrow \cos x + \sqrt{3} \sin x = 2 \cos 3x$	0.25+0,25
	$\Leftrightarrow \cos\left(x - \frac{\pi}{3}\right) = \cos 3x \Leftrightarrow \begin{cases} x = -\frac{\pi}{6} - k\pi \\ x = \frac{\pi}{12} + \frac{k\pi}{2} \end{cases} (k \in \mathbb{Z})$	0.25+0,25
	d) Ta có $\sin 3x + \cos 2x + 9 \cos x - 4 = 0$ $\Leftrightarrow 3 \sin x - 4 \sin^3 x + 2 \cos^2 x + 9 \cos x - 5 = 0$ $\Leftrightarrow \sin x(4 \cos^2 x - 1) + (2 \cos x - 1)(\cos x + 5) = 0$ $\Leftrightarrow (2 \cos x - 1)(\sin x + 2 \sin x \cos x + \cos x + 5) = 0$ $\Leftrightarrow \begin{cases} 2 \cos x - 1 = 0 & (1) \\ \sin x + \cos x + 2 \sin x \cos x + 5 = 0 & (2) \end{cases}$	0.5
	Giải (1), ta có (1) $\Leftrightarrow \cos x = \frac{1}{2} \Leftrightarrow x = \pm \frac{\pi}{3} + k2\pi$.	0.25
	Giải (2), đặt $t = \sin x + \cos x = \sqrt{2} \sin\left(x + \frac{\pi}{4}\right)$ với $ t \leq \sqrt{2}$.	
	Khi đó $t^2 = 1 + 2 \sin x \cos x \Rightarrow 2 \sin x \cos x = t^2 - 1$; Phương trình (2) trở thành $t + t^2 - 1 + 5 = 0 \Leftrightarrow t^2 + t + 4 = 0$ phương trình vô nghiệm.	0,25

